

Ngày 19-5-2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 636/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn S – sinh năm 1971; Trú tại đường A, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Bé H – sinh năm 1980; Trú tại đường A, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Huỳnh Văn S trình bày:

Ông và bà Trần Thị Bé H tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/P.09, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà mẹ chồng tại đường A, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống cho đến năm 2015 thì hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cách sống. Bà H hay ghen tuông vô cớ, không có cách giáo dục

con phù hợp mà nhiều lần đánh con dù con không có lỗi gì. Ngoài ra bà H thường xuyên xúc phạm, chửi bới đối với mẹ ruột của ông mỗi khi ông vắng nhà. Mặc dù ông có nhiều lần hòa giải khuyên can đối với bà H nhưng bà vẫn không thay đổi. Từ 10 năm nay, ông không nói chuyện với bà H, vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông S yêu cầu được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1997 và Trần Thị Ánh G, sinh năm 2001 – đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông S khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông S khai không có.

Bị đơn, bà Trần Thị Bé H vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Văn S có đơn xin ly hôn bà Trần Thị Bé H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn S có đơn xin vắng mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị Bé H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 46/P.09, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông S thì bà H có cách giáo dục con không đúng, thái độ cư xử không đúng mực, xúc phạm với mẹ ông, nhiều lần ông nhắc nhở, hòa giải nhưng bà H không thay đổi. Sự việc này kéo dài khiến ông cảm thấy chán nản và dần mất tình cảm với bà H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H lên tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà H đều vắng mặt không đến tòa cũng không có ý kiến tranh chấp gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông S. Qua đó chứng tỏ bà H không có thiện chí, không tôn trọng giữ gìn mối quan hệ hôn nhân này, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn gia đình để vợ chồng hàn gắn.

Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải tôn trọng nhau nhưng giữa ông S và bà H đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời vợ chồng cũng đã ly thân nhiều năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1997 và Trần Thị Ánh G, sinh năm 2001 – đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì tranh chấp tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến gì tranh chấp nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

[3] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh:* Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn S:

- *Về hôn nhân:* Ông Huỳnh Văn S được ly hôn với bà Trần Thị Bé H.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1997 và Trần Thị Ánh G, sinh năm 2001 – đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến tranh chấp tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến tranh chấp nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. *Về án phí:*

Án phí ly hôn sơ thẩm ông Huỳnh Văn S phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông S đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0038699 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.9, quận Tân Bình, Tp.HCM
(Giấy CNKH số 46/P.09, quyền số 01/2009
cấp ngày 25/3/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bành Kim Phụng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trung Kiên

Nguyễn Thị Lương

Bành Kim Phụng